

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T2
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 30/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T2, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến.

Bà Tô Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 16/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NX, xã TP, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T2 áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn VB, xã ML, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Đinh Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T2 áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn CT, xã ML, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị M1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương; bị cáo không bị tạm giữ,

tạm giam; bị cáo bị Toà án nhân dân huyện T2 áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Trọng H2, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn QĐ, xã ĐQ, huyện TH, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn S và bà Phạm Thị N; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương, năm 2013 bị Công an huyện TH xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo bị Toà án nhân dân huyện T2 áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Đào Văn T4, sinh năm 1983; trú tại thôn TB, xã TĐ, huyện T2, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Những người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1948; chị Lê Thị Đ, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973, đều trú tại thôn ĐT, xã TĐ, huyện T2, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Đào Duy B, sinh năm 1989; trú tại thôn ĐT, xã TD, huyện T2, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Vũ Trọng T6, sinh năm 1964; trú tại thôn TD, xã TT, huyện T2, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 18/9/2017, tại khu vực cổng phụ NMNĐ Thái Bình 2 tại xã TĐ, huyện T2, tỉnh Thái Bình, khi D đang làm nhiệm vụ bảo vệ ở Cổng phụ vị trí S8 của Nhà máy thì các anh T4, B, C là công nhân Nhà máy đến xin D cho đi vào Nhà máy qua cổng phụ thì D không đồng ý (theo quy định của Nhà máy phải đi vào qua Cổng chính), hai bên lời qua tiếng lại, các anh T4, B, C không vào Nhà máy nữa mà bỏ đi về hướng thôn ĐT, xã TĐ. Thấy vậy, D điện đàm báo cáo sự việc cho Tổ bảo vệ về việc các anh T4, B, C không chấp hành quy định của Nhà máy. Tổ bảo vệ cử H1, Q, H2 xuống để hỗ trợ D. Khi đến nơi, H1, Q, H2 được D thông báo sự việc và cả bốn người dùng mô tô cùng đuổi theo. Đi được 200 mét thì gặp các anh T4, B, C, Q hỏi D “*Có phải những người này không?*”, anh T4 liền nói “*Ừ là tao đấy thì sao*”. H2 lại gần nói với anh T4 “*Mời anh về Nhà máy làm việc*”, anh T4 trả lời “*Tao không về thì sao*”. Thấy vậy, các bị cáo H1, D đã dùng gậy gỗ, gậy cao su, đánh vào lưng, vai và người anh T4. Anh T4 bỏ chạy, trong khi chạy có nhặt 01 viên gạch ở đường ném về phía các bị cáo nhưng không trúng ai. Trong lúc hỗn loạn, D, H1, Q, H2 đã dùng gậy gỗ, gậy cao su, gạch và tay chân đánh anh Đào Văn T4 gây thương tích vùng đầu, mặt, làm sập thành trước xoang trán phải (lún xoang trán phải). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 22% (*Hai mươi hai phần trăm*).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi gây thương tích cho anh T4 nêu trên.

Lời khai của những người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1948; chị Lê Thị Đ, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973, đều trú tại thôn ĐT, xã TĐ, huyện T2, tỉnh Thái Bình trình bày: Khoảng 17 giờ chiều ngày 18/9/2017 ông T5 cùng các chị Đ, H3 chứng kiến bốn thanh niên có hành vi đánh gây thương tích anh Đào Văn T4. Anh B chứng kiến bốn thanh niên có hành vi đuổi đánh anh Đào Văn T4. Anh T6 chứng kiến việc cãi nhau giữa D và nhóm của anh T4.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của anh Đào Văn T4 số 139/17/TgT ngày 23/11/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình kết luận “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 22% (Hai mươi hai phần trăm)*”.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 17/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Q, Đỗ Trọng H2 về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố rút truy tố điểm i đối với các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Đỗ Trọng H2 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm; các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc gậy dài 50 cm, bằng gỗ, hình trụ tròn, phần tay nắm dài 14 cm sơn màu trắng, phần còn lại dài 36cm quấn băng dính màu đen là vật chứng của vụ án. Đồng thời Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo D, H1, Q, H2 đều khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 18/9/2017, các bị cáo D, H1, Q, H2 đã có hành vi dùng gậy gỗ, gậy cao su, gạch và tay chân đánh anh Đào Văn T4 gây thương tích vùng đầu, mặt, làm sập thành trước xoang trán phải (lún xoang

trán phải). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 22% (*Hai mươi hai phần trăm*).

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, đơn trình báo, đơn xin giám định thương tích và đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự; sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường; bản kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 18/9/2017, các bị cáo D, H1, Q, H2 đã có hành vi dùng gậy gỗ, gậy cao su, gạch và tay chân đánh anh Đào Văn T4 gây thương tích 22% (*Hai mươi hai phần trăm*). Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 như Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2 đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đến giai đoạn xét xử, Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, do vậy hành vi của các bị cáo bị xét xử theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

a, Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

...

i, Có tích chất côn đồ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến sáu năm.

...

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này..

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo D, H1, Q, H2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật song vẫn thực hiện, các bị cáo đồng phạm với nhau trong việc thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Đào Văn T4. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc, thống nhất trước song đã có sự tiếp nhận về mặt ý chí với nhau trong việc thực hiện tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại xin giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này người bị hại là anh Đào Văn T4 cũng có một phần lỗi đó là vi phạm quy định của Nhà máy và không hợp tác với tổ bảo vệ, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến vụ án xảy ra.

[5] Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Q, có nhân thân tốt.

Bị cáo Đỗ Trọng H2 có nhân thân là người đã bị xử lý về hành vi đánh bạc năm 2013.

[6] Về trách nhiệm hình sự:

Xét mức độ, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá trách nhiệm hình sự như sau: Nguyễn Văn H1 là người đánh anh T4 đầu tiên, tạo động lực để các bị cáo khác phạm tội và Đỗ Trọng H2 là người có nhân thân bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc năm 2013 nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn (Nguyễn Văn H1 là người dùng gậy cao su màu đen và tay chân đánh vào đầu và mặt anh T4); các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn các bị cáo khác.

Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo, mặt khác các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo cũng là phù hợp. Giao các bị cáo D, H1, Q, H2 cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền là 40.000.000 đồng theo sự thỏa thuận của các bên theo quy định của pháp luật. Anh Đào Văn T4 đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt cho các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 (một) chiếc gậy dài 50 cm, bằng gỗ, hình trụ tròn, phần tay nắm dài 14 cm sơn màu trắng, phần còn lại dài 36cm quấn băng dính màu đen là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Q, Đỗ Trọng H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Xử phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ML, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Trọng H2 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đỗ Trọng H2 cho Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện TH, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q, 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ML, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Đào Văn T4 40.000.000 đồng, anh T4 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc gậy dài 50 cm, bằng gỗ, hình trụ tròn, phần tay nắm dài 14 cm sơn màu trắng, phần còn lại dài 36cm quấn băng dính màu đen là vật chứng của vụ án. (Vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Thái Bình).

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Q, Đỗ Trọng H2; người bị hại là anh Đào Văn T4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/5/2018.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T2;
- Công an huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền